

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HUDA LAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HUDA LAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUDA LAND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HUDA LAND JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109542988

**3. Ngày thành lập:** 08/03/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3B, Tòa nhà số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904532121

Fax:

Email: [info.hudaland@gmail.com](mailto:info.hudaland@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                       | 6810(Chính) |
| 2.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ môi giới bất động sản;<br>- Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;<br>- Dịch vụ tư vấn bất động sản;<br>- Dịch vụ quản lý bất động sản; | 6820        |
| 3.  | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 4.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                         | 7320        |
| 5.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Lập dự án đầu tư, quản lý dự án; Đo đạc bản đồ;                                                                                                                 | 7110        |
| 6.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội - ngoại thất; Thiết kế đồ họa trên máy tính;                                                                                                                           | 7410        |
| 7.  | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                          | 8110        |
| 8.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                            | 8121        |
| 9.  | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                            | 8130        |
| 10. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                            | 8211        |
| 11. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                         | 7020        |
| 12. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                      | 5210        |
| 13. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                  | 4292        |

|     |                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 14. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                                                     | 4293 |
| 15. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                  | 4291 |
| 16. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                  | 5621 |
| 17. | In ấn                                                                                                                                                                                                     | 1811 |
| 18. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                 | 8230 |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư;                                                                               | 8299 |
| 20. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: -Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; - Các dịch vụ cắt xén thông tin | 6399 |
| 21. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                  | 1812 |
| 22. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội, website thương mại điện tử, bán hàng, website khuyến mại trực tuyến, sàn giao dịch thương mại điện tử;               | 6312 |
| 23. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                    | 7710 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN HẢI YẾN  | Số 104 Tô Hiến Thành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    | 0011700129<br>13                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Tổng số                   | 400.000    | 4.000.000.000         | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN YẾN NGỌC | 104 Tô Hiến Thành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông         | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    | 0011920016<br>22                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         | Tổng số                   | 200.000    | 2.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                         |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                      |                           |           |                |        |              |
|---|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 3 | LÊ NGUYỄN ĐAN QUẾ | 36 Trần Anh Liên, Phường An Đông, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông         | 1.200.000 | 12.000.000.000 | 60,000 | 191879999    |
|   |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                      | Tổng số                   | 1.200.000 | 12.000.000.000 | 60,000 |              |
|   |                   |                                                                                      |                           |           |                |        |              |
| 4 | NGUYỄN MINH HIẾU  | 104 Tô Hiến Thành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 200.000   | 2.000.000.000  | 10,000 | 001097000583 |
|   |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                      | Tổng số                   | 200.000   | 2.000.000.000  | 10,000 |              |
|   |                   |                                                                                      |                           |           |                |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HẢI YẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 19/03/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001170012913

Ngày cấp: 23/11/2017

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 104 Tô Hiến Thành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 104 Tô Hiến Thành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội